

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊ-NIN TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TO APPLY THE DEVELOPMENT PERSPECTIVE OF MARXIST LENINIST PHILOSOPHY IN SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN VIETNAM

PHAN THỊ BÍCH TRÂM^(*)

TÓM TẮT: Bài viết tập trung vào các vấn đề: tìm hiểu quan điểm phát triển của triết học Mác – Lê-nin; vận dụng quan điểm phát triển trong phát triển bền vững ở Việt Nam. Từ đó, trình bày một số giải pháp định hướng nhằm góp phần giải quyết vấn đề phát triển bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: quan điểm phát triển; triết học Mác – Lê-nin; phát triển bền vững; xã hội chủ nghĩa.

ABSTRACT: The article focuses on the following issues: understanding the development perspective of Marxist-Leninist philosophy; applying the development perspective in sustainable development in Vietnam. In which, the article will mention some solutions aim to contribute to solve the issue of sustainable development in sustainable development by socialist orientation in VietNam.

Key words: development perspective; Marxist-Leninist philosophy; sustainable development; socialist.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển bền vững là định hướng chiến lược của các quốc gia trên thế giới trong thời đại cách mạng khoa học - công nghệ, cũng như trong bối cảnh của quá trình toàn cầu hóa, là niềm hy vọng lớn của toàn thể loài người nói chung và Việt Nam nói riêng. Nhằm hướng tới phát triển bền vững, Việt Nam đã xây dựng nhiều chương trình và kế hoạch phát triển bền vững như: chương trình Nghị sự 21; chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 681/QĐ-TTg về lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam đến năm 2030... Phát triển bền vững đất nước là tất yếu khách quan, phản ánh ý chí, nguyện vọng, lợi ích của nhân dân, quốc gia, dân tộc, là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Phát triển bền vững sẽ củng cố và tạo dựng niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Vì vậy, trên quan điểm phát triển của triết học Mác – Lê-nin là nền tảng và cơ sở lý luận cho phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Quan điểm phát triển của triết học Mác – Lê-nin

Chủ nghĩa duy vật biện chứng là một trong ba phát minh quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác. Nội dung của phép biện chứng duy vật hết sức phong phú, bao gồm những vấn đề cơ bản: nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, nguyên lý về sự phát triển, đây là nội dung bao quát toàn bộ phép biện chứng; những quy luật cơ bản của sự phát triển, vạch rõ nguồn gốc, động lực, cách thức và khuynh hướng của sự phát triển; các cặp phạm trù cơ bản phản ánh các mối liên hệ cơ bản và quan trọng của thế giới. Ph. Ăngghen định nghĩa “*Phép biện chứng là khoa học về sự liên hệ phổ biến*” có “*những quy luật chủ yếu: sự chuyển hóa lượng thành chất, sự xâm nhập lẫn nhau của các mâu thuẫn đối cực và sự chuyển hóa từ mâu thuẫn này sang mâu thuẫn khác khi mâu*

^(*) ThS. Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, tram.phanthibich@stu.edu.vn, Mã số: TCKH28-23-2021

thuần đó lên tới cực độ, sự phát triển bằng mâu thuẫn hoặc phủ định của phủ định, phát triển theo hình xoáy tròn ốc” [3, tr.455]. V.I.Lê-nin viết: “Có thể định nghĩa vắn tắt phép biện chứng là học thuyết về sự thống nhất của các mặt đối lập. Nằm được hạt nhân của phép biện chứng, nhưng điều đó đòi hỏi phải có những sự giải thích và một sự phát triển thêm” [9, tr.379]. Trong phép biện chứng duy vật, nguyên lý về sự phát triển khẳng định vận vật trong vũ trụ ở trạng thái động, nằm trong khuynh hướng chung là vận động biến đổi và phát triển. Sự phát triển biểu hiện thông qua ba quy luật cơ bản của phép biện chứng. Sự phát triển của các sự vật, hiện tượng không chỉ tăng lên về mặt số lượng, mà điều quan trọng là chúng luôn biến đổi, chuyển hóa lẫn nhau, cái cũ mất đi cái mới ra đời thay thế cho cái cũ, quá trình tiến lên không ngừng. Bản chất khách quan của quá trình vận động và phát triển đòi hỏi tư duy con người phải nhận thức, phản ánh đúng hiện thực khách quan. Trong sự phát triển của xã hội loài người, đó là sự thay thế các hình thái kinh tế - xã hội, trong đó hình thái kinh tế - xã hội sau bao giờ cũng cao hơn về chất so với hình thái kinh tế - xã hội trước. Sự phát triển trong nhận thức con người thể hiện ở khả năng sáng tạo và cải tạo thế giới của con người. Từ việc con người là sản phẩm của tự nhiên thông qua hoạt động thực tiễn và sản xuất vật chất con người trở thành chủ thể của lịch sử. Khi nghiên cứu “phát triển” C. Mác và Ph. Ăngghen đã so sánh khái niệm vận động và khái niệm phát triển. Hai ông cho rằng hai khái niệm này không đồng nhất với nhau. Theo Ph.Ăngghen “*Vận động – là phương thức tồn tại của vật chất. Bất kỳ ở đâu và bất cứ lúc nào không có và không thể có vật chất mà không vận động... Vật chất không có vận động, cũng như vận động không có vật chất, đều không hình dung nổi*” [3, tr.84]. Ph.Ăngghen viết: “*Khi chúng ta dùng tư duy để xem xét giới tự nhiên, lịch sử loài người, hay hoạt động tinh thần của bản thân chúng ta thì trước mắt,*

chúng ta thấy một bức tranh về sự chằng chịt vô tận của những mối liên hệ và những tác động qua lại trong đó không có cái gì đứng nguyên, không thay đổi, mà tất cả đều vận động, biến đổi, phát sinh và mất đi” [3, tr.35]. Còn “phát triển” là sự vận động, đó là sự vận động theo khuynh hướng đi lên. Song, không phải mọi sự vận động đều là phát triển. Sự phát triển một mặt là sự vận động đi lên, mặt khác, bao hàm trong đó tính kế thừa, lặp lại cái cũ nhưng ở mức độ cao hơn và có sự xuất hiện của cái mới. Phép biện chứng duy vật khẳng định tất cả mọi sự vật, hiện tượng đều có quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong, rằng “... *Toàn bộ thế giới tự nhiên, từ cái nhỏ nhất cho đến cái lớn nhất, từ hạt cát cho đến mặt trời, từ những sinh vật nguyên thủy cho đến con người, đều nằm trong tình trạng không ngừng sinh ra và diệt vong, lưu động không ngừng, vận động và biến hóa bất tận*” [3, tr.417].

Phát triển tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen về phát triển, V.I. Lê-nin viết: “*Sự phát triển là một cuộc “đấu tranh giữa các mặt đối lập*” [10, tr.379]. Sự phát triển là tự phát triển do sự đấu tranh của các mặt đối lập trong bản thân các sự vật, hiện tượng. Nếu không có sự đấu tranh của các mặt đối lập - tức là không có sự xuất hiện và tồn tại và giải quyết mâu thuẫn, thì không thể có sự vận động và phát triển của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Trong lĩnh vực xã hội và tư duy đều có sự tồn tại và đấu tranh thường xuyên giữa các mặt đối lập, tạo nên sự vận động và phát triển của xã hội và tư duy. Phát triển không theo đường thẳng, không theo vòng tròn khép kín mà theo đường xoắn ốc. Hệ thống cũ mất đi, hệ thống mới ra đời, chất cũ mất đi, chất mới ra đời. Nhưng trong sự phát triển ấy thì cái mới cũng kế thừa tinh hoa của cái cũ để tiếp tục phát triển và lại kế thừa. Phát triển phải có cái mới ra đời và phát triển bao giờ cũng xuất phát từ thực tế. Quan điểm phát triển yêu cầu, khi xem xét, đánh giá hay nghiên cứu sự vật, hiện tượng,

chúng ta phải đặt nó trong hoàn cảnh và điều kiện mà nó đang tồn tại, vận động, biến đổi và phát triển; phải vạch được xu hướng biến đổi và chuyển hóa của chúng. Đây là một quá trình tích lũy và chuyển hóa không ngừng giữa lượng và chất, thông qua sự đấu tranh giữa các mặt đối lập theo con đường phủ định của phủ định. Quan điểm phát triển còn đòi hỏi chúng ta không chỉ vạch ra khuynh hướng phát triển tiến lên của sự vật, mà còn phải thấy rõ được sự quanh co, phức tạp và đầy mâu thuẫn của phát triển. Đó là cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, giữa cái nảy sinh và cái đang lụi tàn để đến sự chuyển hóa, cái mới ra đời. Trong cuộc sống, phải phát hiện ra cái mới, bảo vệ cái mới, tạo điều kiện cho cái mới phát triển. Quan điểm phát triển còn góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa chủ quan duy ý chí; khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, định kiến. Cần thấy rõ việc vận dụng quan điểm phát triển vào hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực, đòi hỏi phải phát huy cao độ nỗ lực con người trong quá trình “chủ quan hóa khách quan” và “khách quan hóa chủ quan” [6, tr.123]. Hồ Chí Minh chỉ dẫn: “Xã hội bây giờ ngày một phát triển. Tư tưởng hành động cũng phát triển. Nếu cứ giữ lấy cái kẹp giấy cũ không thay đổi là không đi đến đâu cả” [5, tr.35].

Hướng đến phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay, việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa duy vật biện chứng vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam là tất yếu khách quan. Triết học Mác – Lê-nin không những là phương pháp tiếp cận khoa học để chúng ta luận giải con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà còn là thế giới quan, phương pháp luận khoa học để triển khai chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Vấn đề phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay

Năm 1980, trong ấn phẩm Chiến lược bảo tồn thế giới (công bố bởi Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên Quốc tế - IUCN), Thuật ngữ “phát triển bền vững” xuất

hiện lần đầu tiên với nội dung, sự phát triển bền vững của nhân loại là sự phát triển không chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học.

Năm 1987, khái niệm này được phổ biến rộng rãi, nhờ Báo cáo Brundtland của Ủy ban môi trường và phát triển thế giới - WCED. Trong báo cáo, khái niệm phát triển bền vững được ghi cụ thể như sau: “*Phát triển bền vững là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai...*” [4].

Phát triển bền vững là sự phát triển phải bảo đảm có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ. Trong thực tiễn phải xác định mối quan hệ biện chứng giữa ba lĩnh vực chính: kinh tế, xã hội, môi trường, ba lĩnh vực này thống nhất, ảnh hưởng nhau và góp phần quy định sự tồn tại và phát triển lẫn nhau. Đây là sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia. Phát triển bền vững vì mục tiêu con người, dựa vào con người, do con người, người dân đều được quan tâm phát triển toàn diện. Vì con người là mục tiêu, động lực, là nguồn lực quan trọng cho phát triển bền vững.

Chiến lược phát triển bền vững trở thành chủ trương nhất quán trong lãnh đạo, quản lý, điều hành tiến trình phát triển của Đảng. Sự phát triển bền vững không phải là của một ngành, một lĩnh vực, đó là sự tổng hòa giữa các yếu tố như kinh tế, văn hóa, giáo dục, môi trường. Việc thành lập Cục môi trường vào năm 1990 là bước đầu tiên thực hiện chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam. Năm 1993, Nhà nước ban hành Luật bảo vệ môi trường và sửa đổi vào năm 2005. Năm 2003 thành lập Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việt Nam là một trong những quốc gia

có nhiều nỗ lực và đã đạt được nhiều thành quả trên hành trình phát triển bền vững. Việt Nam đã ban hành chương trình quốc gia về phát triển bền vững, thành lập hội đồng quốc gia về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh: chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia giai đoạn 1991-2000; chương trình Nghị sự 21 quốc gia; Nghị quyết về phát triển bền vững do Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc ký vào năm 2020, với 5 quan điểm chỉ đạo, xuyên suốt. Trong chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ rõ: *“Phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội”* [8]. Quan điểm phát triển xã hội bền vững lần đầu tiên được đưa vào Đại hội lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam: *“Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới”* [1, tr.54].

Kế thừa và phát triển quan điểm của Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng khẳng định: *“Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then*

chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên” [2, tr.110]. Yêu cầu đặt ra trong các chính sách phát triển là phải gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm để nhân dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước. Các thành quả của phát triển xã hội phải được bảo đảm vững chắc bằng các thành quả về phát triển kinh tế. Các chính sách liên quan trực tiếp đến phát triển các lĩnh vực xã hội luôn được cải thiện. Tính bền vững xã hội còn thể hiện ở việc đảm bảo về dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, tăng tỷ lệ dân cư được học hành, giảm tình trạng đói nghèo và làm cho khoảng cách giữa các tầng lớp giàu, nghèo trong xã hội, đảm bảo sự công bằng xã hội và tạo cơ hội bình đẳng cho mọi thành viên trong xã hội tiếp cận các cơ hội phát triển của cá nhân. Các chính sách, văn bản pháp luật hoàn thiện hơn, xây dựng, phát triển tổ chức quản lý môi trường tăng cường hơn, các hoạt động ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện môi trường ngày càng hiệu quả hơn, đầu tư ngân sách cho công tác bảo vệ môi trường tăng lên. Tuy nhiên, do những hạn chế khách quan và chủ quan, phát triển bền vững về mặt môi trường còn nhiều vấn đề tồn tại như: biến đổi khí hậu, sa mạc hóa, đất bị thoái hóa, hạn hán và lũ lụt... Để đạt được kết quả trong phát triển bền vững đòi hỏi phải tạo được sự chuyển biến có tính cách mạng, thấu suốt về nhận thức, đổi mới mạnh mẽ về tư duy, quán triệt trong mọi chính sách, quy hoạch, dự án và chương trình hành động; tổ chức thực hiện quyết liệt ở tất cả các ngành, các cấp với sự đồng thuận tham gia của cả hệ thống chính trị, của cộng đồng doanh nghiệp và mọi người dân trong cả nước...

Trong hơn 35 năm đổi mới (1986-2021), việc triển khai tổ chức thực hiện chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, tạo điều kiện thuận lợi tiếp

tục cho phát triển bền vững giai đoạn tới. Đặc biệt là sau thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, mục tiêu phát triển bền vững định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam càng được khẳng định. Đại hội nhấn mạnh: *“Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng hoàn thiện và từng bước được thực hiện hóa. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa trong lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay...”* [7, tr.25-26]. Năm 2019, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,704, thuộc nhóm có HDI cao của thế giới, nhất là so với các nước có cùng trình độ phát triển; tuổi thọ trung bình của người dân tăng lên 73,7 tuổi năm 2020; khoảng 70% dân số sử dụng Internet [7]. Kinh tế, xã hội có những chuyển biến rõ rệt, hết sức sâu sắc và tích cực: *“Kinh tế phát triển, lực lượng sản xuất được tăng cường; nghèo đói giảm nhanh, liên tục; đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng; thể và lực quốc gia được tăng cường; niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố”* [7, tr.14-15].

2.3. Những giải pháp phát triển xã hội bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Thứ nhất, nhận thức đúng đắn, sâu sắc hơn về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, từ đó, từng bước hoàn thiện đường lối, quan điểm, tổ chức thực hiện, để vừa theo đúng quy luật chung, vừa phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Nhận thức sâu sắc về xã hội chủ nghĩa là nhân tố quyết định thắng lợi

công cuộc đổi mới và đảm bảo cho đất nước phát triển bền vững. Vấn đề này được thể hiện sâu sắc và cô đọng trong bài viết của Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Phú Trọng. Đây là tổng kết tư duy lý luận của Đảng nhận thức về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Thứ hai, kiên định và vững vàng tư tưởng lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lê-nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong hoạt động thực tiễn và nhận thức cần nắm rõ nguyên tắc toàn diện, lịch sử - cụ thể và nguyên tắc phát triển. Phân biệt rõ các định hướng, chiến lược, kế hoạch phát triển xã hội bền vững ở Việt Nam với các định hướng, chiến lược, quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hiện có. Xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển cụ thể đối với các ngành, địa phương để có sự phù hợp và phát huy tiềm năng lợi thế vùng miền. Kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển xã hội với phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo đảm sự phát triển bền vững đất nước; đứng vững trên lập trường duy vật khoa học và tư duy biện chứng sáng tạo khi giải quyết vấn đề phát triển bền vững. Nắm vững mối quan hệ biện chứng giữa phát triển xã hội bền vững gắn với phát triển kinh tế bền vững và bảo vệ môi trường. Đây là một mối quan hệ không tách rời nhau, thống nhất với nhau, tiền đề để cùng nhau phát triển.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách, luật pháp, Nhà nước phải tổ chức quá trình chuyển sang con đường phát triển bền vững, gồm các hoạt động như huy động toàn dân tham gia thực hiện phát triển bền vững, tăng cường vai trò lãnh đạo của Nhà nước trong việc tổ chức thực hiện phát triển bền vững và hợp tác vì sự phát triển bền vững.

Thứ tư, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, phát triển lực lượng sản xuất để tiếp tục đẩy

manh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từng bước xây dựng nền kinh tế tri thức ở Việt Nam. Tạo mọi điều kiện và thời cơ để đổi mới sáng tạo, phát triển lực lượng sản xuất trên nền tảng trình độ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao và hiện đại. Việc phát triển nguồn nhân lực là nền tảng phát triển bền vững và tăng lợi thế cạnh tranh quốc gia.

Thứ năm, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Trong thế giới toàn cầu hóa, sự phát triển của Việt Nam không thể tách biệt đứng bên ngoài những tác động của thế giới và thời đại. Việt Nam phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Gắn kết phát huy nội lực và ngoại lực để thúc đẩy và phát triển kinh tế. Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam đòi hỏi giải quyết hài hòa các vấn đề kinh tế - xã hội với văn hóa, khoa học và giáo dục, giữa môi trường tự nhiên sinh thái

với môi trường xã hội nhân văn trên nền tảng cải cách có hiệu quả các thể chế chính trị - pháp lý nhằm phát triển chất lượng con người và chất lượng cuộc sống con người.

3. KẾT LUẬN

Nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác – Lê-nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp nhìn rõ bản chất sự vận động và phát triển của thế giới trong tình hình hiện nay. Đây là cơ sở lý luận cho việc hoạch định, tổ chức và thực hiện đường lối phát triển, chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nói chung và phát triển bền vững nói riêng là một cuộc cách mạng triệt để, sâu sắc, lâu dài, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Phát triển bền vững là sự phát triển hài hòa cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng và môi trường, tập trung xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, nhân tố trung tâm, quyết định nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [3] C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia.
- [4] Phạm Thị Thanh Bình (2014), *Phát triển bền vững ở Việt Nam: Tiêu chí đánh giá và định hướng phát triển*, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.
- [5] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Thế Nghĩa (2007), *Những chuyên đề Triết học*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Phú Trọng (2021), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*.
- [8] Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 432/QĐ-TTg về phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020*, ngày 12 tháng 4 năm 2012, Hà Nội.
- [9] V.I.Lê-nin, *Bút ký Triết học, Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10] V.I.Lê-nin (1981), *Toàn tập*, tập 29, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

Ngày nhận bài: 15-6-2021. Ngày biên tập xong: 12-7-2021. Duyệt đăng: 24-7-2021